TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

Bà Bùi Thị Hoàng.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Số105, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn S, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 610, tổ A, ấp Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-01-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Tr trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn S chung sống với nhau vào năm 1982, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến nhiều mâu thuẫn, bà nhận thấy

không dung hòa được nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 1994 cho đến nay. Nay bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 16-7-1983. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Tại văn bản ý kiến ngày 12-3-2019 bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: ông S và bà Nguyễn Thị Tr chung sống với nhau vào năm 1982, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nên ông và bà Tr không còn sống chung từ đó cho đến nay. Nay ông S đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Tr.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 16-7-1983. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra ông có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tr và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn s có địa chỉ tại xã T, thành phố H, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngoài ra, ông Nguyễn Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Bà Tr và ông S kết hôn vào năm 1982 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên bà Tr và ông S xác lập mối quan hệ hôn nhân trước năm 1986 nên hôn nhân giữa bà

Tr và ông S vẫn được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay bà Tr yêu cầu ly hôn với ông S. Tại phiên bà Trưởng cho rằng bà và ông S chung sống không hạnh phúc nên đến tháng 5 năm 1982 bà và ông S không còn chung sống và bà đã trở về nơi cha mẹ ruột bà sinh sống cho đến nay, trong thời gian sống xa nhau bà và ông S không còn liên lạc với nhau. Tại văn bản ý kiến ngày 12-3-2019 ông S trình bày ông và bà Tr không còn tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn với bà Tr. Xét thấy các đương sự đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, các đương sự tự hàn gắn nhưng không thành nên cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục. Từ đó, chấp nhận cho bà Tr ly hôn với ông Sang là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Tr và ông S xác định các con 01 con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Tr chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tr. Bà Tr được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Tr chịu 300.000 đồng. Bà Tr nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005385, ngày 15/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Bà Tr đã nộp xong tiền án phí.

Ông Nguyễn Văn S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THA Tp.Cao Lãnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thị Thơm

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Đoan Hùng – Bùi Thị Hoàng **HuỳnhThị Thơm**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thơm

"***Để thi hành***"
TP. Cao Lãnh, ngày 00 tháng 00 năm 2017

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- THADS TP CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thơm

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSNDTPCL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ VA.

Huỳnh Thị Thơm